Triet ly Nghiep - 15

Triết Lý Nghiệp

Triet ly Nghiep - 15

Times font

Triết lý về Nghiệp

Hoà thượng Hộ Tông

Thiên XV -ooOoo-

DÂY XÍCH CỦA NHÂN VÀ QUẢ T rong thiên này, giải về "Dây xích của nhân và quả" một cách vi tế để nhận định sự luân hồi.

Tại sao chúng ta lại nhận định điều này?

Xin đem lời của một triết học gia người Pháp, chép dưới đây cho chúng ta dò xét trước, như vầy:

Tất cả những gì đã có đều là quả của nhân trước gây nên, quả hiện tại trở thành nhân của quả tương lai, liên tiếp. Nếu thấy sự quy định ấy như nó đàn áp phải thực hành theo trong đời; xây dựng cho có giáo lý về vấn đề "Thuyết thập nhị duyên khởi" gọi là dây xích của nhân và quả .

p háp đầu tiên của dây xích này là nguồn gốc của tất cả cái có sinh mệnh tức vô minh (không biết); pháp cuối cùng là sự khổ. Điều quy định này giúp cho chúng ta được vừa lòng với nguyên nhân của sự có, sự tồn tại và nghiệp (động tác và phản ứng) đã sắp đặt căn bản của sinh mệnh hiện tại của chúng ta.

Theo đây, chúng ta vừa thấy được những lợiï ích của việc quan sát "Thuyết thập nhị duyên khởi" hay dây xích của nhân và quả là có cái chi chi rồi.

Trong kinh s a.myuttanikaaya nidanaavagga có giải về thuyết Thập nhị duyên khởi rằng:

Vô minh là nhân sinh hành, hành là nhân sinh thức, thức là nhân sinh danh sắc, danh sắc là nhân sinh lục nhập, lục nhập là nhân sinh xúc, xúc là nhân sinh thọ, thọ là nhân sinh ái, ái là nhân sinh thủ, thủ là nhân sinh hữu, hữu là nhân sinh ra sanh, sanh là nhân sinh ra lão, tử v.v. buồn rầu, than van, khổ sở, nhớ tiếc, đau đớn v.v.

Những tập khổ sinh ra theo ý nghĩa ấy, lại có giảng rằng:

1.- Lão tử vì có sanh

2.- Sanh có vì hữu

3.- Hữu có vì thủ

4.- Thủ có vì ái

5.- Ái có vì thọ

6.- Thọ có vì xúc

7.- Xúc có vì lục nhập

8.- Lục nhập có vì danh sắc

9.- Danh sắc có vì thức

10.- Thức có vì hành

11.- Hành có vì vô minh.

Ý nghĩa đầu tiên tìm quả phía sau gọi là thuận chiều. Ý nghĩa sau tìm nhân phía trước gọi là ngược chiều.

Những lý thuyết đây một phần gọi là khởi phiên ([1]) (s amudayavaara) Một phần nữa, giải tiếp là phần thứ hai theo thuận chiều và ngược chiều (a nuloma và p a.tiloma) như đã giải trên gọi là diệt phiên ([2]) (n irodhavaara) . Khởi phiên là phần sinh, diệt phiên là phần dập tắt. Góp cả hai phần gọi là thuyết Thập nhị duyên khởi (p a.ticcasamupaada) .

Phần thứ hai có thuyết như vầy:

1.- a vijjaa : Vô minh diệt Hành mới diệt .

2.- s ankhaara : Hành diệt Thức mới diệt.

3.- v i~n~naara : Thức diệt Danh Sắc mới diệt.

4.- n aamaruupa : Danh Sắc diệt Lục nhập mới diệt.

5.- s a.laayatana : Lục nhập diệt Xúc mới diệt.

6.- p hassa : Xúc diệt Thọ mới diệt.

7.- v edanaa : Thọ diệt Ái mới diệt.

8.- t a.nhaa : Ái diệt Thủ mới diệt.

9.- u paadaana : Thủ diệt Hữu mới diệt.

10.- p haba : Hữu diệt Sanh mới diệt.

11.- j ati : Sanh diệt Lão tử, buồn rầu, than van, khổ sở, nhớ tiếc, đau đớn mới diệt.

Tất cả tập khổ bị dập tắt theo ý nghĩa như thế gọi là thuận chiều (Anuloma) vì đi tìm nhân phía sau. Một ý nghĩa nữa thuyết để như vầy:

1.- Lão tử diệt vì Sanh diệt.

2.- Sanh diệt vì Hữu diệt.

3.- Hữu diệt vì Thủ diệt.

4.- Thủ diệt vì Ái diệt.

5.- Ái diệt vì Thọ diệt.

6.- Thọ diệt vì Xúc diệt.

7.- Xúc diệt vì Lục nhập diệt.

8.- Lục nhập diệt vì Danh sắc diệt.

9.- Danh sắc diệt vì Thức diệt.

10.- Thức diệt vì Hành diệt.

11.- Hành diệt vì Vô minh diệt.

Như vậy gọi là ngược chiều vì đi tìm nhân phía trước.

Theo lịch sử: Thuở Đức Thế Tôn vừa giác ngộ, Ngài quan sát thuyết "Thập nhị duyên khởi" Này rồi Ngài mới tuyên bố rằng:

Yadaa have paatubhavanti dhammaa aataapino ~nayato brahma.nassa atthassa ka.nkhaa vapayanti sabbaa yato pajaanaati sahetudhamma.m

- Lúc nào các pháp rõ rệt đến Bà-la-môn, người cố nhìn chăm chăm lúc ấy tất cả điều ngờ vực của Bà-la-môn ấy dứt rồi, vì được thấu triệt pháp nương lẫn nhau.

Yadaa have paatubhavanti dhammaa aattaa pino ~naayato brahma.nassa atthassa

- Khi nào các pháp rõ rệt đến Bà-la-môn, người cố nhìn chòng chọc, khi ấy các ngờ vực của Bà-la-môn ấy hẳng diệt tuyệt, do sự hiểu biết dứt duyên.

Yadaa have paatubhavanti dhammaa aattaapino ~naayato brahma.nassa vidhuupaya.m titthati maarasena.m suurova obhaasayamantalikkha.m

- Khi nào các pháp rõ rệt đến Bà-la-môn, người cố nhìn chăm chăm, khi ấy Bà-la-môn ấy hẳng được trừ diệt Ma vương cùng quân ma và được chói lọi, rạng ngời như mặt trời chiếu diệu giữa không trung vậy .

p accayaakaa dịch là trạng thái của duyên khởi nối liền nhau và p a.ticcasamupada ([3]) dịch là pháp sanh vì nương vào lẫn nhau (có ý nghĩa giống nhau).

Thuyết thập nhị duyên khởi chia làm 4 loại là:

1.- Liệt vào t iva.t.ta tam luân.

2.- Liệt vào nhân quả.

3.- Liệt vào đại khái.

4.- Liệt vào sự liên kết ([4]) .

Liệt thuyết Thập nhị duyên khởi vào tam luân như vầy:

1.- Vô minh, ái dục, thủ là phiền não luân.

2.- Hành là nghiệp luân.

3.- Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, hữu, sanh, lão, tử, buồn rầu, than van, khổ sở, nhớ tiếc, đau đớn là kết quả luân.

Luân này là tái sinh luân xoay tìm trong cõi luân hồi, khi có phiền não là nhân cho tạo nghiệp, nghiệp ban cho quả, quả này thành nhân, nhân tạo nghiệp nữa, luân chuyển nhau mãi.

Liệt thuyết Thập nhị duyên khởi vào nhân quả, nghĩa là kể vào 4 loại là:

a.- Atiitahetu : Quá khứ nhân.

b.- Paccuppannaphala : Hiện tại quả.

c.- Paccuppannahetu : Hiện tại nhân.

d.- Anaagataphala : Tương lai quả.

- Quá khứ quả tức là Vô minh và Hành.

- Hiện tại quả tức là Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc và Thọ.

- Hiện tại nhân, tức là Ái và Thủ.

-Tương lai quả, tức là Sanh và Lão; tử với các nổi khổ dựa vào sanh.

Liệt vào đại khái nhất là: quá khứ kể vào đại khái, hoặc rút ngắn lại theo 3 thời là: quá khứ, hiện tại và tương lai.

Liệt vào liên kết chia ra làm 3 là:

a.- Liên kết trong khoảng quá khứ nhân, và hiện tại quả, là một liên kết, gọi là "nhân quả liên kết" nghĩa là kết liền nhân với quả.

b.- Liên kết trong khoảng hiện tại quả và hiện tại nhân, là một liên kết gọi là "quả nhân liên kết" nghĩa là kết liền quả với nhân.

c.- Liên kết trong khoảng hiện tại nhân với tương lai quả là một liên kết gọi là "nhân quả liên kết" nghĩa là kết liền nhân với quả.

Tiếp theo đây, giải về đặc tính của những pháp ấy là:

a vijjaa : Vô minh là không hiểu rõ 8 điều là:

1.- Không hiểu rõ cái khổ.

2.- Không hiểu rõ cái nhân sinh khổ.

3.- Không hiểu rõ sự diệt khổ.

4.- Không hiểu rõ đạo diệt khổ.

5.- Không hiểu rõ quá khứ.

6.- Không hiểu rõ tương lai.

7.- Không hiểu rõ cả quá khứ và tương lai.

8.- Không hiểu rõ thuyết thập nhị duyên khởi.

s ankhaara : Hành là a bhisankhaara tức là 3 nhân tạo tác là:

1.- Pu~n~naabhisa'nkhaara : tạo phước.

2.- a pu~n~naabhisa'nkhaara : tạo tội.

3.- a ne~njaabhisa'nkhara : tạo bất động tức là kiên cố (về chư Phạm thiên sắc giới và vô sắc giới) do thế lực bát thiền.

a ne~njaa dịch là bất độâng tức là im lặng, không cảm động, vững bền. Trong k antarasuutra và trong d vedhavitaka suutra chỉ về tứ thiền. Như vậy thì p u~n~naabhisa'nkhaara chỉ về k usalavitaka ([5]) a pu~n~naabhi sa'nkhaara là a kusalavitaka ([6]) . Trong nơi đây chỉ giải về 4 thiền vô sắc gồm có 4 thiền hữu sắc vào trong p u~n~naabhisa'nkhaara như phước trong cõi dục giới. Tiếng s a'nkhaara dịch là pháp mà duyên khởi tạo ra nghĩa là cái có nhân gây nên, như thân thể, người, nhà v.v. đây là s a'nkhaara phần quả. Nếu dịch s a'nkhaara là pháp mà người tạo ra tức là nghiệp phân hạng chúng sinh tách ra cho khác nhau, là s a'nkhaara phần nhân. Hoặc nói một cách khác, pháp phải hành là quả. Người tạo là nhân.

T ất cả những pháp ấy gọi là s a'nkhaaravi~n~naa'na : Thức nghĩa là 6 thức:

1.- Sự nhận biết hướng mắt.

2.- Sự nhận biết hướng tai.

3.- Sự nhận biết hướng mũi.

4.- Sự nhận biết hướng lưỡi.

5.- Sự nhận biết hướng thân.

6.- Sự nhận biết tâm.

Gộp lại là lối đi của thức.

n aamaruupa : Danh sắc là bốn tình trạng của người chủ trì thân thể tức là thức, thọ, tưởng, hành, với sắc tức là tứ đại và sắc nương vào tứ đại ([7]) (u padaanaruupa).

s alayatana : Lục nhập là sáu giác quan, nơi giao thông của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và tâm. Sáu nơi đây gọi là giác quan, vì là nơi nối liền của cảnh tương bên ngoài.

p hassa : Xúc là trạng thái đụng chạm của 3 loại:

1)-
Lục nhập nội (
[8]
) .
2)- Lục nhập ngoại ([9]) .

3)- Thức (sự nhận biết).

Nếu không đủ ba loại ấy cũng không gọi là xúc, như cục gạch đụng nhau, vì cục gạch không có thức.

v edanaa : Thọ là sự hưởng thụ, đối tượng là tình trạng nhận biết hơn thức, tức là nhận thức được một trong ba điều là:

1.- Nhận biết vui.

2.- Nhận biết khổ.

3.- Nhận biết không vui không khổ.

t a.nhaa : Ái là sự mong mỏi, thèm khát bằng thế lực của ba ái dục là :

1.- k amata.nhaa: Ái dục trong cõi dục.

2.- b havata.nhaa: Ái dục trong cõi Phạm thiên hữu sắc hay sự được sự có.

3.- v ibhavata.nhaa: Ái dục trong cõi vô sắc.

u padana : Thủ là giữ lấy theo thế lực ái dục.

b haba : Hữu là sự có, sự được theo thế lực của thủ.

c hú giải: Trên đây cũng vừa thấy được đặc tính của các pháp ấy.

Tiếp theo, giải về thuyết "Thập nhị duyên khởi" theo trong Thanh Tịnh Kinh (v isuddhimagga) rằng:

a vijjaa : tức là si mê, là duyên sanh hành, tức là thiện tâm và bất thiện tâm. Hành là duyên sanh thức tức là thức đi tái sinh (p a.tisandhivi~n~naaa.na). Thức tức là duyên sanh Danh Sắc.

Danh sắc tức là duyên sanh Xúc, nhất là nhân xúc. Xúc là duyên sanh Thọ (vui khổ) vui thích, buồn rầu và xả.

Thọ là duyên sanh Ái; Ái là duyên sanh Thủ có nhiều mãnh lực. Thủ là duyên sanh Hữu (k aamabhala) . Nghiệp sanh ra chúng sinh trong các cõi và u papattibhaba ngũ uẩn sanh từ nghiệp. Hữu là duyên đưa đến sự sanh. Sanh là duyên đưa đến lão tử, buồn rầu, than van khổ sở v.v.

Toát yếu rằng: Các điều dơ bẩn hằng phát sanh đến người gồm có " a vijjaanusaya " (Vô minh thụy miên) ([10]) : Còn ngủ ngầm trong tâm đến đâu thì các thống khổ nhất là phiền não cũng vẫn có đến đó. Khi đã bị phiền não, buồn rầu đè nén rồi, người hằng lầm lạc trong đối tượng trong chúng sinh, trong cõi và trong người. Nếu đã lầm lạc như thế đến đâu, thì là cơ hội cho vô minh nảy ra đến đó.

Lại nhất là phiền não, buồn rầu, sinh tức là dục lậu phiền não ([11]) trong lúc người chia lìa khỏi vật dục và phiền não dục. Ngoài ra, các lậu phiền não tức tà kiến lậu phiền não ([12]) và hữu lậu phiền não ([13]) cũng hằng nảy nở theo sự buồn rầu, than van, đau đớn, khổ sở giống nhau.

Chư thiên là hạng đầy đủ hạnh phúc trong các thiên cung, nếu không được nghe pháp của Đức Thế Tôn cũng còn kinh hãi, lo lắng, phát động tâm, khi năm điềm chết hiện ra, đồng thời sự thưởng thức ([14]) mãnh liệt do tình dục thương tiếc trong thiên giới là

ngũ uẩn sinh từ nghiệp ấy, lúc đó hữu lậu phiền não, vô minh phiền não cũng phát theo. Vì thế sự buồn rầu, than van khổ sở v.v. mới là duyên sanh đến vô minh như vậy .

Vô minh là chủ của 3 luân (t ivatta): Nghiệp luân (k ammava.t.ta) kết quả luân (v ipakava.t.ta). Khi vô minh sinh ra theo đối tượng tiếp xúc và nảy nở do lậu phiền não, buồn rầu v.v. và vô minh thụy miên chưa bỏ được. Các vô minh ấy là a sa'nnahetu ([15]) là chủ cho luân pháp ([16]) (v attadhamma) phát lên. Khi các luân phát sanh rồi buộc rịt kẻ si để trong nẽo luân hồi, bao kín chung quanh bằng những khổ sở, đau đớn, buồn rầu, than van cho đến khi cắt đứt được vô minh bằng A-la-hán đạo mới thoát khỏi ba luân ấy.

Thí dụ: Trong thời gian chưa đoạn tuyệt vô minh ví như người nắm cổ rắn độc, tất bị đuôi và mình nó quấn chung quanh cánh tay người nắm; trong lúc đoạn tuyệt được vô minh ví như cắt được đầu rắn rồi .

Thuyết Thập nhị duyên khởi là bánh xe tái sinh (b havaccakka) trong các cõi không rõ rệt như kinh Paali : a namataggoyam sa'nsaaro "luân hồi" ấy có thủy chung không rõ rệt dù ai tìm tòi chứng minh cũng không gặp. Trong thuyết Thập nhị duyên khởi này có chia làm hai:

1.- m uula : (căn) ([17]) và ba a ddhaa (khoảng).

2.- (Căn) là:

a)- a vijjaa : vô minh.

b)- t anhaa : ái dục.

3.- a ddha : (khoảng) là:

1/- a tiita-addhaa = khoảng quá khứ.

2/- p accuppanna-addhaa = khoảng hiện tại.

3/- A anagata-addha ø = khoảng tương lai.

a tiita-addhaa : là Vô minh và Hành.

p accuppanna-addhaa : là Thức, Danh, Sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ, Ái, Thủ, Hữu.

a naagata-addhaa : là Sanh, Lão, Tử.

Giải rằng: luân hồi có hai, do thế lực của hai căn là:

1.- Vô minh, Ái, Thủ, Hữu, Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ gọi là Căn Vô minh.

2.- Ái dục, Vô minh, Hành, Thức, Danh sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ, Thủ, Hữu, Sanh, Lão, Tử gọi là Căn Ái dục.

Cả hai xa luân tái sinh (b havacakka) ấy:

a)- Về căn vô minh, Đức Thế Tôn thuyết theo thế lực của tà kiến, nghĩa là người có khí chất nặng, thiên về tà kiến.

b)- Về ái dục Đức Thế Tôn thuyết theo thế lực của chúng sinh thiên về ái dục nghĩa là có khí chất nặng thiên về ái dục. Về căn vô minh thuyết theo thế lực vô minh tà kiến. Vô minh căn thuyết minh cái quả của nhân chưa dứt, là cái quả còn tái sinh để rút lui đoạn kiến (u cchadadi.t.thi).

Về căn ái dục, Đức Thế Tôn thuyết chỉ cho thấy rõ lão, tử của chúng sinh sanh ra để cởi mở thường kiến (s assatadi.t.thi).

Về căn vô minh, Đức Thế Tôn thuyết theo thứ tự của hành, thức, danh, sắc, lục nhập của chúng sinh thuộc về thai sanh.

Trong Thanh Tịnh Kinh có giải rằng: thuyết Thập nhị duyên khởi gồm có bốn uyên thâm ([18]) là:

1.- a tthagambhira: Nghĩa uyên thâm

2.- d hammagambhira: Pháp uyên thâm

3.- d esanagambhira: Thuyết uyên thâm

4.- p ativedhagambhira: Hành uyên thâm

1/- Ý nghĩa uyên thâm là sự giác ngộ quả của "nhân" tức là lão tử, có từ "sanh" chắc chắn, chẳng phải sanh từ pháp nào khác và giác ngộ tình trạng của lão tử quả quyết thích hợp với duyên của mình tức là sanh, không sai. Chẳng phải do từ pháp nào khác. Hành có từ vô minh. Bỏ vô minh hành không sao có được. Nhưng sự hiểu biết như vậy thật là rất khó. Cớ ấy "thuyết Thập nhị duyên khởi" mới gọi là "ý nghĩa uyên thâm" .

2/- p háp uyên thâm là nhân, tức là vô minh có thế lực đến đâu, thì duyên là nhân có thế lực đến đó và là duyên sanh hành: Hành có duyên là vô minh. Thật là rất khó hiểu. Cớ ấy thuyết Thập nhị duyên khởi mới gọi là pháp uyên thâm.

3/- t huyết uyên thâm tất cả chúng sinh phải giác ngộ thuyết Thập nhị duyên khởi bằng cách nào, Đức Thế Tôn thuyết Thập nhị duyên khởi thích hợp với khí chất, với tính tình v.v. theo cách ấy. Cớ đó lý Thập nhị duyên khởi mới gọi là thuyết uyên thâm.

4/- h ành uyên thâm là tình trạng nào của vô minh v.v. và các pháp nhất là vô minh, tình trạng ấy uyên thâm rất khó cho chúng sanh giác ngộ. Cớ ấy lý Thập nhị duyên khởi mới gọi là hành uyên thâm.

([1]) Khởi phiên: là phiên bắt đầu.

([2]) Diệt phiên: phiên dập tắt.

([3]) Tức là thập nhị duyên khởi.

([4]) Kết liền với nhau.

([5]) k usalavitaka : Tâm suy về điều lành.

([6]) a kusalavitaka : Tâm suy về điều ác.

([7]) Tứ đại (Upadaayaruupa): Xem trong Vi diệu pháp (sắc nương vào tứ đại).

([8]) Lục nhập nội: tức là giác quan.

([9]) Lục nhập ngoại: Cảnh tương lục trần.

([10]) Vô minh thụy miên: phiền não ngũ ngầm trong tâm.

([11]) Dục lậu phiền não: Kaamaasava : lậu phiền não trong cõi dục.

([12]) Tà kiến lậu phiền não: Ditthaaasava .

([13]) Hữu lậu phiền não: Bhavaasava .

([14]) Thưởng thức: thưởng ngắm mà biết cái hay, cái đẹp.

([15]) Aasa"nnahetu : Cận thời phân.

([16]) Vattadhamma : pháp xoay.

([17]) Căn: là nguồn gốc.

([18]) Uyên thâm: sâu xa.

-ooOoo-

Chương trước | Đầu trang | Mục lục | Chương kế

Chân thành cám ơn Tỳ kheo Thiện Minh đã gửi tặng phiên bản điện tử (Bình Anson, 03-2001)

[Trở về trang Thư Mục]

update: 14-03-2001

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.